

Số: 35 /2017/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá
được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước do
địa phương quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

SỞ TƯ PHÁP TP. ĐÀ NẴNG	
ĐẾN	Số: 6029
	Ngày: 21/11/2017
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 2604/STC-GCS ngày 02/10/2017, phương án giá của Ban Quản lý Ấu Thuyền và Cảng cá Thọ Quang tại Công văn số 264/BQL ngày 22/6/2017 và đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại Công văn số 1484/SNN-KHTC ngày 07/7/2017, Công văn số 2051/STP-XDKTVB ngày 07/8/2017 và Công văn số 3273/STP-XDKTVB ngày 03/11/2017 về thẩm định dự thảo văn bản. Trên cơ sở ý kiến kết luận của UBND thành phố tại cuộc họp UBND thường kỳ ngày 26 tháng 10 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

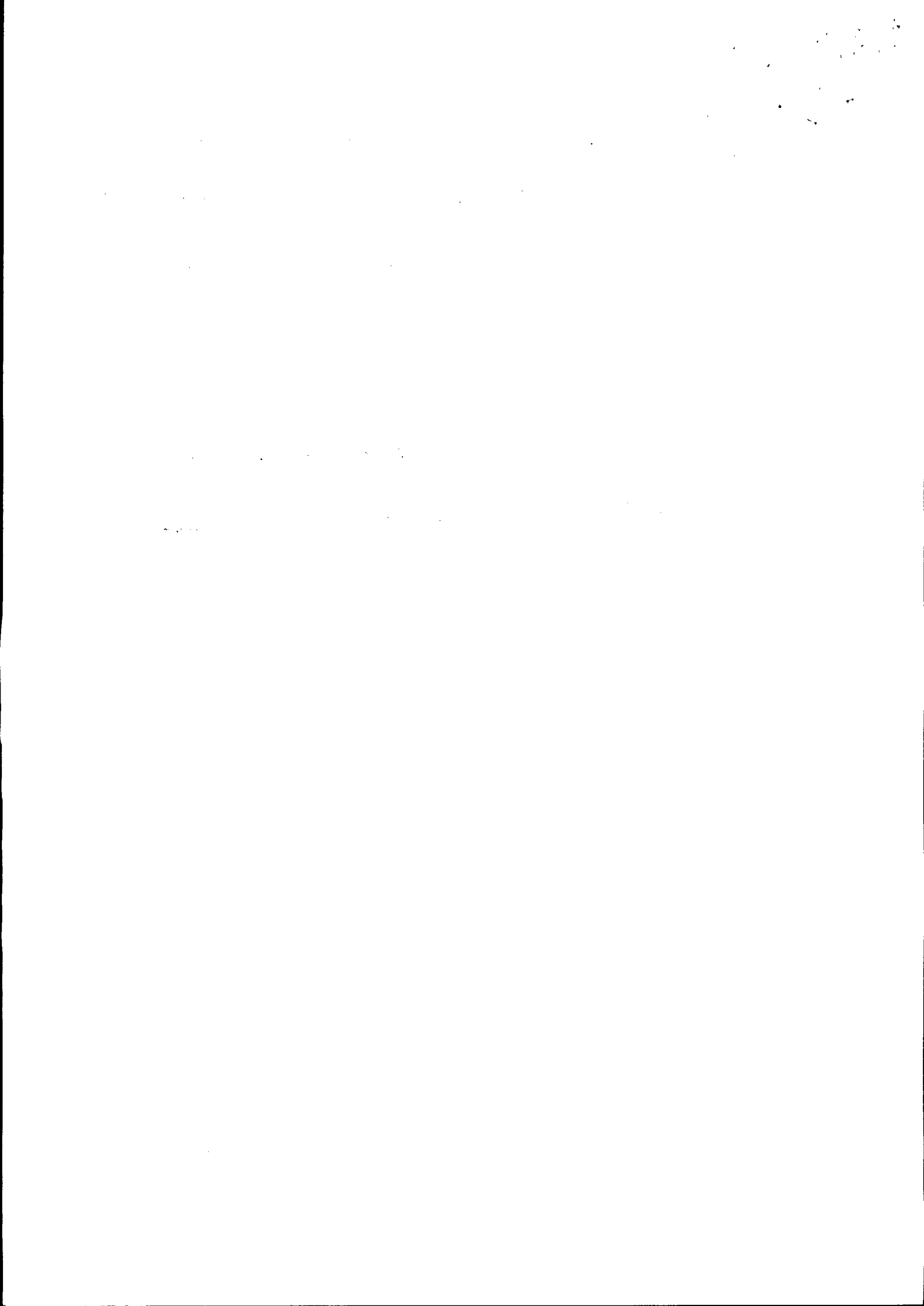
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Quyết định này không áp dụng đối với tàu thuyền vào neo, đậu để tránh trú bão tại cảng cá.



[Handwritten signature]



Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ban Quản lý Âu Thuyền và Cảng cá Thọ Quang và các tổ chức, cá nhân sử dụng cảng cá tại Âu Thuyền và Cảng cá Thọ Quang được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách thành phố.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước căn cứ quy định tại Quyết định này để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 3. Khung giá dịch vụ

Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá được quy định tại Phụ lục kèm Quyết định này.

Khung giá dịch vụ sử dụng cảng cá nêu trên đã bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung, lợi nhuận dự kiến và thuế giá trị gia tăng.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Ban Quản lý Âu Thuyền và Cảng cá Thọ Quang có trách nhiệm:

a) Căn cứ khung giá quy định tại Điều 3 Quyết định này xác định mức giá cụ thể cho phù hợp với từng loại phương tiện, đảm bảo không vượt quá khung giá báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quyết định mức giá cụ thể để Ban Quản lý Âu Thuyền và Cảng cá Thọ Quang thực hiện đồng thời gửi Sở Tài chính để theo dõi, quản lý; Thực hiện niêm yết giá, công khai giá theo quy định.

b) Giải quyết khiếu nại liên quan đến giá dịch vụ sử dụng cảng cá trong phạm vi quản lý. Báo cáo tình hình và vướng mắc liên quan đến giá dịch vụ sử dụng cảng cá cho cơ quan chức năng.

c) Thực hiện việc theo dõi, hạch toán kế toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước về thuế; quản lý, sử dụng số tiền còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật và cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm xem xét quyết định các mức giá cụ thể do Ban Quản lý Âu Thuyền và Cảng cá Thọ Quang xây dựng; chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế thành phố triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện mức giá sử dụng cảng cá tại Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

3. Cục Thuế thành phố Đà Nẵng: có trách nhiệm hướng dẫn Ban Quản lý Âu Thuyền và Cảng cá Thọ Quang sử dụng hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế và các pháp luật có liên quan.

4. Sở Tài chính: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn Ban Quản lý Âu Thuyền và Cảng cá Thọ Quang triển khai thực hiện việc niêm yết giá dịch vụ sử dụng cảng cá đúng quy định của Luật giá.



Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01/01/2018 bãi bỏ Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 9150/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Đà Nẵng.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng; Trưởng ban Ban Quản lý Âu Thuyền và Cảng cá Thọ Quang; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *BH*

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính, Cục QLG;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBMTTQVN tp;
- CT, Các PCT UBND tp;
- Các Sở: TC, NN&PTNT, Tư pháp;
- Cục Thuế tp;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- Báo Đà Nẵng, Đài Phát thanh Truyền hình Đà Nẵng;
- Công thông tin điện tử tp;
- VP UBND tp, các phòng KT, QLĐTh, NCPC;
- Lưu: VT, STC.

18



Trần Văn Miên

Phụ lục

KHUNG GIÁ DỊCH VỤ SỬ DỤNG CẢNG CÁ ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Quyết định số 35/2017/QĐ-UBND ngày 18/11/2017 của UBND thành phố Đà Nẵng)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Khung giá		
I.	Đối với tàu thuyền các loại				
1	Đối với tàu cá cập cảng				
-	Tàu có công suất dưới 20CV	Đồng/lượt	6.000	-	12.000
-	Tàu có công suất từ 20CV đến 50CV	Đồng/lượt	12.000	-	20.000
-	Tàu có công suất trên 50CV đến 90CV	Đồng/lượt	20.000	-	30.000
-	Tàu có công suất trên 90 CV đến 200CV	Đồng/lượt	35.000	-	50.000
	Tàu có công suất trên 200CV	Đồng/lượt	50.000	-	70.000
2	Đối với tàu vận tải cập cảng				
-	Có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/lượt	5.000	-	10.000
-	Có trọng tải từ 5 đến 10 tấn	Đồng/lượt	10.000	-	20.000
-	Có trọng tải trên 10 đến 100 tấn	Đồng/lượt	40.000	-	60.000
-	Có trọng tải trên 100 tấn	Đồng/lượt	60.000	-	100.000
II	Đối với xe ô tô vận tải hàng hóa				
1	Xe có trọng tải dưới 1 tấn	Đồng/lượt	6.000	-	10.000
2	Xe có trọng tải từ 1 đến 2,5 tấn	Đồng/lượt	10.000	-	18.000
3	Xe có trọng tải trên 2,5 đến 5 tấn	Đồng/lượt	18.000	-	25.000
4	Xe có trọng tải trên 5 tấn đến 10 tấn	Đồng/lượt	25.000	-	30.000
5	Xe có trọng tải trên 10 tấn	Đồng/lượt	30.000	-	40.000
III	Đối với xe thô sơ (xe máy, xích lô, ba gác, các loại xe thô sơ khác)	Đồng/lượt	1.000	-	2.000
IV	Đối với hàng hóa qua cảng				
1	Hàng thủy sản, động vật tươi sống:	Đồng/tấn	10.000		20.000
2	Các loại hàng hóa khác	Đồng/tấn	5.000		10.000

[Handwritten signature]

